

**CHƯƠNG TRÌNH PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ TỈNH THỪA THIÊN HUẾ
ĐẾN NĂM 2025 VÀ ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2030**

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 45/NQ-HĐND ngày 08 tháng 5 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế)

I. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ

1. Quan điểm

- Xây dựng và phát triển Thừa Thiên Huế trở thành thành phố trực thuộc Trung ương trên nền tảng bảo tồn, phát huy giá trị di sản cố đô và bản sắc văn hóa Huế với đặc trưng văn hóa, di sản, sinh thái, cảnh quan, thân thiện môi trường và thông minh.

- Phát triển đô thị đáp ứng yêu cầu chuyển dịch cơ cấu lao động, phân bố dân cư hợp lý giữa các khu vực đô thị và nông thôn; đảm bảo sử dụng hiệu quả quỹ đất xây dựng, đầu tư xây dựng đồng bộ cơ sở hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật, kiểm soát chất lượng môi trường, đảm bảo hài hòa giữa bảo tồn, cải tạo và xây dựng mới; xây dựng đô thị có điều kiện sống tốt, tăng cường sức cạnh tranh đô thị trong khu vực và quốc tế.

- Phát triển đô thị bền vững, thích ứng và ứng phó với biến đổi khí hậu.

2. Mục tiêu

- Cụ thể hóa định hướng phát triển đô thị theo Nghị quyết số 54-NQ/TW ngày 10 tháng 12 năm 2019 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Nghị quyết số 14-NQ/TU ngày 17 tháng 4 năm 2020 của Tỉnh ủy (Khóa XV) thông qua Chương trình phát triển đô thị tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030; trong đó, mục tiêu xuyên suốt là đưa Thừa Thiên Huế trở thành thành phố trực thuộc Trung ương.

- Cụ thể hóa định hướng phát triển hệ thống đô thị theo quy hoạch xây dựng vùng tỉnh và các quy hoạch ngành đã được phê duyệt, phù hợp với chương trình phát triển đô thị quốc gia, từng bước đầu tư xây dựng hoàn chỉnh mạng lưới đô thị trên địa bàn tỉnh theo từng giai đoạn phát triển.

- Xây dựng kế hoạch, lộ trình huy động nguồn lực để đầu tư xây dựng phát triển hệ thống đô thị trên toàn tỉnh, nâng cao chất lượng, diện mạo kiến trúc cảnh quan đô thị theo hướng hiện đại, văn minh phù hợp với bản sắc văn hóa của mỗi đô thị.

- Hoàn thành mở rộng địa giới hành chính thành phố Huế trước năm 2021; thành lập thị xã Phong Điền và thành lập Thừa Thiên Huế trở thành thành phố trực thuộc Trung ương trước năm 2022.

- Làm cơ sở để lập đề án và đánh giá nâng loại đô thị; thành lập các phường, thị trấn trong tương lai.

II. CÁC CHỈ TIÊU CHÍNH VỀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ TỈNH THỪA THIÊN HUẾ GIAI ĐOẠN 2020-2030

1. Tỷ lệ đô thị hóa

- Đến năm 2025: đạt khoảng 62-65%;

- Đến năm 2030: đạt khoảng 65-70%.

2. Về chất lượng đô thị

- Diện tích sàn nhà ở bình quân đạt 29m^2 /người; tỷ lệ nhà kiên cố đạt 75%.

- Tỷ lệ đất giao thông so với diện tích đất xây dựng đô thị tại đô thị loại I đạt từ 20-25% trở lên; đô thị loại III đến loại V đạt từ 20% trở lên. Tỷ lệ vận tải hành khách công cộng đáp ứng nhu cầu tại đô thị loại I đạt từ 20-30% trở lên; đô thị loại III đạt từ 10-15%; đô thị loại IV và loại V đạt từ 2-5%.

- Tỷ lệ dân cư đô thị được cấp nước sạch và tiêu chuẩn cấp nước tại các đô thị loại I đến loại IV đạt trên 90%, đạt 120 lít/người/ngày đêm; đô thị loại V đạt trên 70%, tiêu chuẩn cấp nước đạt 90 lít/người/ngày đêm.

- Tỷ lệ bao phủ của hệ thống thoát nước đạt 80-90% diện tích lưu vực thoát nước trong các đô thị và 60% lượng nước thải sinh hoạt được thu gom và xử lý; 100% các cơ sở sản xuất mới áp dụng công nghệ sạch hoặc trang bị các thiết bị giảm ô nhiễm. Các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng được xử lý đạt 95%. Tỷ lệ thất thoát, thất thu nước sạch dưới 15% đối với các đô thị từ loại I đến loại IV; dưới 20% đối với các đô thị loại V.

- Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt của đô thị, khu công nghiệp được thu gom và xử lý đạt trên 90%; 100% chất thải rắn y tế nguy hại được thu gom và xử lý đảm bảo tiêu chuẩn môi trường.

- Tỷ lệ chiếu sáng đường phố chính và khu nhà ở, ngõ xóm tại các đô thị loại IV, loại V đạt 90% chiều dài các tuyến đường chính và 85% chiều dài đường khu nhà ở, ngõ xóm được chiếu sáng.

- Đất cây xanh đô thị, đối với đô thị loại I, loại IV đạt 7m^2 /người; đô thị loại V đạt $3-4\text{m}^2$ /người. Đất cây xanh công cộng khu vực nội thị đạt từ $4-6\text{m}^2$ /người.

III. DANH MỤC, LỘ TRÌNH VÀ KẾ HOẠCH NÂNG LOẠI HỆ THỐNG ĐÔ THỊ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

STT	Tên đô thị	Hiện trạng	Đến năm 2025	Đến năm 2030
1	Đô thị vùng lõi			
1.1	Thành phố Huế mở rộng (266,0652 km ²) gồm: Thành phố Huế hiện hữu và xã Thủy Vân, Thủy Bằng (thị xã Hương Thủy); phường Hương Hồ, phường Hương An, các xã: Hương Thọ, Hương Phong, Hương Vinh, Hải Dương (thị xã Hương Trà); thị trấn Thuận An và các xã: Phú Thượng, Phú Dương, Phú Mậu, Phú Thanh (huyện Phú Vang)	- Thành phố Huế (đô thị loại I)	- Mở rộng địa giới hành chính thành phố Huế. Đề nghị Bộ Xây dựng thống nhất kết quả rà soát, đánh giá đô thị loại I đối với thành phố Huế sau khi điều chỉnh địa giới hành chính và đánh giá các tiêu chuẩn về trình độ phát triển cơ sở hạ tầng của các khu vực dự kiến thành lập phường. Thành lập các phường thuộc thành phố Huế, bao gồm: Thủy Vân, Phú Thượng, Hương Vinh, Thuận An.	Đạt tiêu chí đô thị loại I và là Trung tâm của đô thị Thừa Thiên Huế trực thuộc Trung ương
1.2	Thị xã Hương Thủy	- Thị xã Hương Trà, thị xã Hương Thủy, thị trấn Thuận An mở rộng (đô thị loại IV)	- Đề nghị Thủ tướng Chính phủ công nhận Thừa Thiên Huế đạt tiêu chí đô thị loại I.	
1.3	Thị xã Hương Trà		- Nâng cấp các xã thành phường, bao gồm: Thủy Phù, Thủy Thanh thuộc thị xã Hương Thủy và Hương Toàn, Bình Tiến thuộc thị xã Hương Trà.	

STT	Tên đô thị	Hiện trạng	Đến năm 2025	Đến năm 2030
1.4	Đô thị Chân Mây – Lăng Cô	Thị trấn Lăng Cô (đô thị loại V) và các xã: Lộc Thủy, Lộc Vĩnh, Lộc Tiến	- Nâng cấp các xã: Lộc Thủy, Lộc Vĩnh, Lộc Tiến đạt tiêu chí đô thị loại V (trước năm 2023). - Đạt tiêu chí đô thị loại III	
1.5	Đô thị Phong Điền	Thị trấn Phong Điền và xã Phong An (đô thị loại V)	- Đô thị Phong Điền đạt tiêu chí đô thị loại IV và thị trấn Phong Điền, các xã: Phong An, Phong Hiền, Phong Mỹ, Phong Thu, Phong Hòa, Điền Lộc, Điền Hòa, Phong Hải, Điền Hải đạt các tiêu chuẩn về trình độ phát triển cơ sở hạ tầng đô thị đối với khu vực dự kiến thành lập phường. - Thành lập thị xã Phong Điền.	
2	Đô thị trực thuộc các huyện ngoại thành			
2.1	Thị trấn Phú Đa, huyện Phú Vang	Đô thị loại V	Đô thị loại V	
2.2	Thị trấn A Lưới, huyện A Lưới	Đô thị loại V	Đô thị loại V	
2.3	Thị trấn Sịa, huyện Quảng Điền	Đô thị loại V	Đô thị loại V	

STT	Tên đô thị	Hiện trạng	Đến năm 2025	Đến năm 2030
2.4	Thị trấn Khe Tre, huyện Nam Đông	Đô thị loại V	Đô thị loại V	
2.5	Thị trấn Phú Lộc, huyện Phú Lộc	Đô thị loại V	Đô thị loại V	
2.6	Đô thị La Sơn, huyện Phú Lộc	Đô thị loại V	Đô thị loại V; thành lập thị trấn	
2.7	Đô thị Vinh Thanh, huyện Phú Vang	Đô thị loại V	Đô thị loại V; thành lập thị trấn	
3	Các đô thị dự kiến hình thành mới			
3.1	Đô thị Vinh Hiền, huyện Phú Lộc	Đô thị mới	Đô thị loại V; thành lập thị trấn	
3.2	Đô thị Thanh Hà, huyện Quảng Điền	Đô thị mới	Đô thị loại V; thành lập thị trấn	
3.3	Đô thị Vinh Hưng, huyện Phú Lộc	Xã nông thôn mới	Đô thị loại V; thành lập thị trấn	
3.4	Đô thị Phú Mỹ, huyện Phú Vang	Xã nông thôn mới	Đô thị loại V; thành lập thị trấn	
3.5	Đô thị Hồng Vân, huyện A Lưới	Xã nông thôn mới		Đô thị loại V; thành lập thị trấn
3.6	Đô thị Lâm Đót, huyện A Lưới	Xã nông thôn mới		Đô thị loại V; thành lập thị trấn

IV. DANH MỤC ƯU TIÊN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HỆ THỐNG HẠ TẦNG KHUNG

1. Danh mục các dự án:

Trên cơ sở thực trạng các đô thị và lộ trình nâng cấp các đô thị từ nay đến năm 2030, định hướng cần tập trung đầu tư vào các dự án trọng điểm như sau:

1.1. Hạ tầng kỹ thuật:

- *Hệ thống giao thông đối ngoại:* Nâng cấp Sân bay Quốc tế Phú Bài lên 9 triệu khách/năm; đê chắn sóng Cảng Chân Mây, Giai đoạn 2; đầu tư Cảng Điền Lộc; Mở rộng hầm Phước Tượng, Phú Gia; nâng cấp Quốc lộ 49A đoạn Huế - Bình Điền; đường ven biển từ Phong Điền về Phú Lộc; nâng cấp Quốc lộ 49B đoạn từ cầu Tư Hiền đi Quốc lộ 1, xã Lộc Trì, huyện Phú Lộc.

- *Hệ thống giao thông kết nối các trung tâm đô thị vùng:* Đường và cầu Hà Trung (đường La Sơn - Hà Trung); đường Tố Hữu nối dài về sân bay Phú Bài; đường Tân Mỹ - Thuận An; Cầu và đường Nguyễn Hoàng; đường vành đai 3; đường Tây phá Tam Giang - Cầu Hai (đoạn Phú Mỹ - Phú Đa); cầu Vĩnh Tu; nâng cấp mở rộng đường Tỉnh lộ 16 (Tứ Hạ - Bình Điền); đường cứu hộ cứu nạn Hương Xuân - Hương Phong; đường trục chính Khu đô thị Chân Mây; Phong Điền - Điền Lộc; nâng cấp đường 74 (Nam Đông - A Lưới); nhựa hóa, bê tông hóa 100% đường huyện xã; Nâng cấp tuyến vận tải thủy chính sông Hương từ Thuận An đến ngã ba Tuần đạt tiêu chuẩn cấp III; nâng cấp tuyến vận tải thủy chính tuyến phá Tam Giang đến đầm Cầu Hai đạt tiêu chuẩn cấp III; nâng cấp mở rộng Cầu Phú Thứ; xây dựng mới cầu nối đường Tỉnh lộ 3 với xã Phú Hải.

- *Nâng cấp hạ tầng kỹ thuật nội thị:* Nâng cấp và mở rộng đô thị Huế; đô thị Hương Thủy; đô thị Hương Trà + Bình Điền; đô thị Phú Vang + Thuận An; đô thị Phong Điền; Khu kinh tế Chân Mây Lăng Cô - Phú Lộc.

1.2. Hạ tầng thủy lợi, ứng phó biến đổi khí hậu: Nâng cấp, xây dựng các công trình kết hợp khu neo đậu tránh trú bão; dự án hồ chứa nước Thủy Cam; chống sạt lở bờ biển, bờ sông (sông Hương, sông Bồ); dự án sửa chữa, nâng cấp đập Thảo Long (nâng cấp thay mới 10 cửa van và thiết bị đóng mở dự phòng); dự án Xử lý khẩn cấp khắc phục xói lở bờ biển Hải Dương và chỉnh trị luồng cảng Thuận An; nâng cấp mở rộng đập Cửa Lác; nâng cấp, sửa chữa tuyến Hói Hà, Hói Nậy, huyện Phong Điền; hệ thống tiêu thoát lũ Phổ Lợi - Mộc Hàn - Phú Khê, huyện Phú Vang; dự án Đầu tư xây dựng hạ tầng nông thôn phát triển sản xuất nông nghiệp tập trung trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế; sửa chữa nâng cấp đê điều, công trình, hồ chứa,...

1.3. Hạ tầng công nghiệp: Từng bước hoàn thiện hạ tầng các Khu công nghiệp: Phú Bài, Phong Điền, Quảng Vinh, La Sơn, Phú Đa và hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh.

1.4. Hạ tầng công cộng: Đầu tư xây dựng mở rộng Nhà máy nước Vạn Niên công suất 120.000m³/ng.đ; xây dựng Nhà máy nước Hương Vân công suất 30.000m³/ng.đ; nhà máy nước Lộc Bồn công suất 30.000m³/ng.đ. Đầu tư xây dựng nhà máy xử lý chất thải rắn tập trung phía Nam tại Phú Sơn, thị xã Hương Thủy và phía Bắc tại xã Hương Bình, thị xã Hương Trà. Đầu tư xây dựng nhà máy xử lý nước thải khu vực Bắc Sông Hương công suất 130.000m³/ng.đ. Xây dựng mới nghĩa trang nhân dân phía Nam (tại thị xã Hương Thủy) và phía Bắc (tại thị xã Hương Trà); đầu tư hệ thống điện chiếu sáng dọc Quốc lộ 1A và tuyến đường tránh phía Tây thành phố Huế.

1.5. Hạ tầng văn hóa: Triển khai dự án di dời dân cư Khu vực 1 Kinh thành Huế; Di dời Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh; di dời hộ dân sinh sống tại khu vực Mang Cá nhỏ; di dời Bệnh viện 268; trùng tu quần thể di tích Cố Đô Huế; phục hồi các phố cổ Bao Vinh, Chi Lăng, Gia Hội; trùng tu các di tích lịch sử, cách mạng khác; bảo tàng Thừa Thiên Huế; hạ tầng phát triển du lịch; trung tâm hội nghị và tổ chức sự kiện quốc tế; đầu tư phát triển du lịch Vườn quốc gia Bạch Mã; khu văn hóa đa năng Cồn Dã Viên.

1.6. Hạ tầng y tế: Dự án đầu tư xây dựng Bệnh viện Y học cổ truyền (di dời); dự án đầu tư nâng cấp Trung tâm Kiểm nghiệm Thuốc - Mỹ phẩm - Thực phẩm tỉnh Thừa Thiên Huế; nâng cấp, mở rộng các bệnh viện tuyến huyện, tuyến cơ sở; xây dựng Khu y tế công nghệ cao phục vụ khám, chữa bệnh kết hợp với du lịch nghỉ dưỡng, cung ứng dịch vụ chăm sóc sức khỏe theo tiêu chuẩn quốc tế; trung tâm khám chữa bệnh, điều dưỡng chăm sóc sức khỏe cho người già và nghiên cứu khoa học; dự án đầu tư xây dựng Bệnh viện quốc tế cơ sở 2; dự án đầu tư xây dựng Trung tâm Điều phối ghép tạng và Bảo trì ghép mô; dự án đầu tư xây dựng Trung tâm các Trường - Viện tại khu đô thị An Vân Dương; xây dựng trung tâm cứu hộ, cứu nạn miền Trung.

1.7. Hạ tầng giáo dục đào tạo: Hạ tầng Khu quy hoạch Đại học Huế tại Trường Bia; xây dựng Viện Công nghệ sinh học - Đại học Huế tại thị xã Hương Trà; xây dựng mô hình Trường - Viện cấp quốc gia của Trường Đại học Y Dược và bệnh viện Y Dược Huế; xây dựng Đô thị giáo dục quốc tế Huế.

1.8. Hạ tầng thông tin và truyền thông: Dự án Phát triển dịch vụ đô thị thông minh tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2021 -2030; dự án hoàn thiện chính quyền điện tử tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2021- 2030.

1.9. Hạ tầng khoa học công nghệ: Đầu tư hạ tầng Khu công nghệ cao Quốc gia tại tỉnh Thừa Thiên Huế; hạ tầng Khu công nghệ thông tin tập trung (Chuỗi công viên phần mềm Quang Trung); trung tâm khởi nghiệp đổi mới khoa học công nghệ quốc gia.

2. Nhu cầu vốn đầu tư, cơ cấu nguồn vốn và các giải pháp về vốn

2.1. Nhu cầu vốn đầu tư:

- Nhu cầu vốn đầu tư tổng thể cả chương trình: Khoảng 66.466 tỷ đồng.
- Phân theo giai đoạn thực hiện:
 - + Giai đoạn 2016 – 2020 (dự án chuyển tiếp): Khoảng 3.851 tỷ đồng.
 - + Giai đoạn 2021- 2025: Khoảng 31.506 tỷ đồng.
 - + Giai đoạn 2026-2030: Khoảng 31.109 tỷ đồng.

2.2. Dự kiến cơ cấu nguồn vốn giai đoạn 2021-2030: Khoảng 62.615 tỷ đồng. Trong đó:

- Ngân sách tỉnh: Khoảng 5.380 tỷ đồng.
- Ngân sách Trung ương: Khoảng 38.835 tỷ đồng.
- Nguồn vốn khác: Khoảng 18.400 tỷ đồng.

3.3. Giải pháp chính sách, huy động nguồn vốn

3.3.1. Giải pháp về cơ chế, chính sách huy động vốn đầu tư:

a) Về huy động vốn ngân sách Nhà nước:

- Ưu tiên nguồn vốn ngân sách tỉnh, đồng thời làm việc với các Bộ, ngành Trung ương để tranh thủ tối đa các nguồn vốn Trung ương hỗ trợ có mục tiêu, trái phiếu Chính phủ, chương trình mục tiêu quốc gia, vốn tín dụng ưu đãi đầu tư, vốn nhân rồi của Kho bạc Nhà nước.

- Có biện pháp phù hợp để huy động tối đa nguồn vốn từ khai thác quỹ đất cho phát triển đô thị, đặc biệt là xây dựng kết cấu hạ tầng đô thị.

b) Về huy động vốn ngoài ngân sách Nhà nước:

- Xác định việc sử dụng ngân sách đầu tư phát triển đô thị đúng chỗ, hiệu quả, có tác dụng làm hạt nhân kích thích thu hút đầu tư từ nguồn ngoài ngân sách.

- Ban hành cơ chế, chính sách khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư kết cấu hạ tầng đô thị theo hình thức BOT, PPP.

- Cải cách gọn nhẹ thủ tục hành chính trong đầu tư phát triển đô thị, đặc biệt đối với các dự án từ nguồn vốn ngoài ngân sách.

- Tiếp tục đẩy mạnh xã hội hóa các lĩnh vực giáo dục và đào tạo, y tế, văn hóa, thông tin, thể dục thể thao, nhà ở,... nhằm huy động mọi nguồn lực xã hội cho đầu tư phát triển các lĩnh vực này.

3.3.2. Giải pháp phân bổ nguồn lực phát triển đô thị

- Đối với nguồn vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước (kể cả nguồn vốn ODA), nguồn tín dụng đầu tư ưu đãi của Trung ương, nguồn vượt thu, tăng thu từ kinh

tế địa phương: Ưu tiên cho đầu tư phát triển trong đầu tư công, phát triển kết cấu hạ tầng giao thông liên vùng, các hạ tầng khung trong các đô thị, các công trình đầu mối trong các lĩnh vực y tế, giáo dục, môi trường đô thị.

- Đối với nguồn vốn ngoài ngân sách, ưu tiên cho phát triển các dịch vụ công trong đô thị như thoát nước, xử lý nước thải, cải thiện môi trường, chiếu sáng; phát triển các khu vực mở rộng, tái thiết đô thị, các khu đô thị có chức năng chuyên biệt.

- Xây dựng cơ chế đặc thù, ưu tiên tập trung nguồn lực cho các dự án ưu tiên đầu tư và phát triển các đô thị trung tâm vùng kinh tế động lực làm khâu đột phá, có sức lan tỏa lớn tạo đà phát triển kinh tế - xã hội, kích thích phát triển đô thị từng vùng.

- Kết hợp, lồng ghép Chương trình phát triển đô thị với các mục tiêu, chương trình, đề án phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và các địa phương.

- Đầu tư vào các hạ tầng thiết yếu có tác dụng thu hút các nguồn lực xã hội vào phát triển đô thị.

- Phân vùng, phân kỳ phát triển đô thị hợp lý để có chính sách phù hợp, hiệu quả nhất đối với phát triển đô thị từng vùng, từng giai đoạn.

- Phát triển đô thị bền vững, phát huy nguồn nội lực để vừa tăng trưởng nhanh về kinh tế, vừa đảm bảo sinh thái bền vững, sử dụng tiết kiệm hiệu quả nguồn tài nguyên, bảo vệ môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu toàn cầu.

CHỦ TỊCH

Lê Trường Lưu